



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DĨ AN

Số 3 Đường số 1 KCN Sóng Thần 1 Dĩ An Bình Dương

Số ĐT: 0650 3790901 Fax: 06503790906



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

THÁNG 04 NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN

Số 3, Đường Số 1, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam
Tel: +84 (0650) 3.790.901 Fax: +84 (0650) 3.790.905
Email: info@dzima.com Website: www.vietgen.com

Bình Dương, ngày 19 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2014

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

1.1. Việc thành lập: Công ty cổ phần chế tạo máy DZĩ An được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh Công ty cổ phần số 4603000016- đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2001. Đăng ký lại theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3700363445 được thay đổi lần thứ 11 vào ngày 10 tháng 10 năm 2013.

1.2. Niêm yết: Năm 2012 công ty đã được chấp thuận niêm yết bổ sung số lượng 1.946.135 cổ cổ phần, nâng tổng số cổ phần đang lưu hàng của Công ty đến thời điểm hiện tại là: 5.395.985 cổ phần.

1.3. Các sự kiện khác

Một số phần thưởng và Danh hiệu Công ty đã đạt được trong thời gian qua

- Năm 2009 :“Doanh nghiệp đạt ứng dụng Hệ thống chất lượng xuất sắc”.
- Năm 2010 :“Doanh nghiệp hội nhập”
- Năm 2011 :Công ty đạt danh hiệu “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng”
- Năm 2012 Công ty đạt danh hiệu “Sản phẩm dịch vụ vàng”

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh:Sản xuất máy phát điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất lò nung hóa khí phế liệu sinh khối rắn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; Sản xuất điện.

2.2. Tình hình hoạt động kinh doanh 2014

- Kinh doanh máy phát điện năm 2014: Doanh thu năm 2014 đạt 198 tỷ đồng bằng 76% kế hoạch đề ra.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất : Lãi 3,799 tỷ đồng .

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu SXKD của Công ty:Trong năm 2015, mục tiêu chính của công ty như sau:

- Doanh số máy phát điện đạt 200 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế 14 tỷ đồng

3.2. Chiến lược phát triển.

a. Định hướng SXKD năm 2015

Chiến lược năm 2015 của công ty tập trung vào 4 nội dung chính:

1. Đổi mới chiến lược marketing máy phát điện:

- Liên minh chiến lược với nhà cung cấp để tạo lợi thế cạnh tranh,
- Phát triển dòng sản phẩm khác nhau để giảm lệ thuộc vào sản phẩm phổ thông lợi nhuận thấp
- Tăng cường quảng cáo, xây dựng hình ảnh để mở rộng phạm vi khách hàng tiềm năng

2. Cải tiến công tác bán hàng máy phát điện:

- Chuyên môn hóa và năng suất cao, không đầu tư theo kiểu bình quân cho đội ngũ bán hàng như lâu nay. Tăng cường đào tạo, trao đổi để nâng cao mức độ chuyên nghiệp, thay đổi chính sách bán hàng để tránh việc bán được ít vẫn có thu nhập cao
- Mở thêm kênh bán hàng dự án cho các khách hàng nhà máy điện mini hay các dự án đòi hỏi thiết kế tính toán phức tạp về công nghệ và tài chính
- Xây dựng chính sách bán hàng quốc tế cho phép bán được an toàn vào các thị trường mới phát triển như Myanmar, Campuchia, Lào, Indonesia, Philippines

3. Tiếp tục cắt giảm chi phí tương đối bằng cách:

- Cắt giảm chi phí cố định ở mức đảm bảo doanh thu hòa vốn là 120 tỷ đồng/năm
- Tăng năng suất lao động nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập bằng cách nâng cao thu nhập vượt trên mặt bằng chung, tăng cường đào tạo và tăng cường trang bị tiện nghi cho môi trường làm việc
- Khôi phục và nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng ISO9001 để làm công cụ cải tiến và đo lường hiệu quả nói trên

4. Quản trị hợp lý và an toàn dòng tiền để đảm bảo khôi phục và tăng trưởng trong điều kiện không có thêm nguồn vốn chủ sở hữu

- Tăng tốc độ dòng tiền bằng cách giảm các chỉ tiêu vốn nằm trong chu kỳ kinh doanh: tồn kho, chờ nghiệm thu, chờ thu nợ để đảm bảo sự tăng trưởng tự nhiên. Phân đầu giảm tương đối hạn mức vay ngắn hạn tương đương 200% doanh thu bình quân hàng tháng

- Xây dựng thêm nguồn vốn ngắn hạn dự phòng để phục vụ các khách hàng lớn đột biến

Chia cổ tức 10% để xây dựng giá trị cổ phiếu dài hạn cho cổ đông (trong trường hợp có đủ lợi nhuận)

b. Chiến lược phát triển Trung và dài hạn

- Phát triển một số sản phẩm mới như tủ trạm viễn thông, cabin máy phát điện, động cơ thủy.
- Mở rộng sản phẩm bao gồm tất cả các giải pháp nguồn điện dự phòng, và nguồn năng lượng phi tập trung
- Áp dụng công nghệ tiên tiến nhất và phương thức quản trị tiên tiến nhất
- Xây dựng môi trường làm việc thuận lợi nhất cho nhân viên
- Thu hút nhà đầu tư bằng kinh doanh lành mạnh và tăng trưởng liên tục

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....):

- Doanh thu năm 2014 đạt 198 tỷ đồng bằng 76% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế lãi 1,006 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2014

Bảng 1: Tình hình kinh doanh so với kế hoạch

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2014	THỰC HIỆN 2014
1	Doanh thu	260	198
	+ Máy phát điện	260	198
	+ Điện năng, sản phẩm khác	0	0
2	Lợi nhuận sau thuế	18	1

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2015	KH 2015/TH 2014
1	Doanh thu	200	99%
	+ Máy phát điện	200	99%
	+ Điện năng, sản phẩm khác		
2	Lợi nhuận sau thuế	14	

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- + Nhu cầu máy phát điện của ngành viễn thông sẽ có bước phát triển mới với những cải cách của VNPT, định hướng đầu tư ra nước ngoài và đổi mới sản phẩm của Viettel.
- + Thị trường bất động sản đang phục hồi và Dzima đã trúng thầu một số công trình lớn từ 2000 – 4000KW.
- + Thị trường nguồn điện cho đảo xa bờ có điều kiện tăng trưởng mạnh do chính sách ưu tiên phát triển kinh tế. Kinh nghiệm từ hoạt động nhà máy điện có thể là vốn quý cho phát triển thị trường này

+ Thị trường xuất khẩu ở các nước mới phát triển vẫn là cơ hội lớn mà Dzima chưa khai thác được.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1/ Đánh giá chung:

1.1 Tình hình thị trường:

Tình hình chung của nền kinh tế Việt Nam năm 2014 chưa thoát khỏi khó khăn kéo dài, nhu cầu máy phát điện suy giảm trong một số khách hàng truyền thống của công ty bao gồm khách hàng doanh nghiệp tư nhân, ngành xây dựng và ngành viễn thông. Doanh số bán hàng cho khách hàng viễn thông chỉ đạt 20% so với các năm trước đây, cùng với giá bán thấp và rủi ro thanh toán chậm cao. Thị trường bất động sản cuối năm 2014 mới có dấu hiệu phục hồi, kéo theo nhu cầu máy phát điện cho ngành này tăng lên.

1.2 Kết quả thực hiện chiến lược:

- Kinh doanh máy phát điện: Công ty đã khôi phục lại hoạt động bán hàng tại khu vực miền Bắc, miền Trung.
- Quản lý dòng tiền: Công ty đã tích cực thu hồi nợ bằng nhiều cách.
- Quản lý chi phí: Công ty cũng đã thực hiện cắt giảm mạnh chi phí trước đây bị phình ra lớn bao gồm: đàm phán giảm giá vật tư nguyên vật liệu, loại bỏ phần lớn việc thuê ngoài không kiểm soát được giá cả và chất lượng, cắt giảm nhân sự. Kết quả là giảm chi phí cố định.
- Tình hình nhà máy điện TBBP tạm dừng để tránh phát sinh lỗi ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh máy phát điện. Tóm lại hoạt động đầu tư vào nhà máy điện TBBP cho tới hiện nay đã thất bại về chiến lược đầu tư, công nghệ, tài chính.

2/ Kết quả sản xuất kinh doanh 2014:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	198,133,013,519	157,006,130,642
2. Các khoản giảm trừ	5,250,000,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	192,883,013,519	157,006,130,642
4. Giá vốn hàng bán	143,986,252,011	112,319,610,894
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,896,761,508	44,686,519,748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4,436,865,283	7,949,960,199

7. Chi phí tài chính	8,980,436,324	9,493,516,915
8. Chi phí bán hàng	30,832,154,067	28,530,786,394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,862,022,179	14,286,875,063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,659,014,221	325,301,575
11. Thu nhập khác	515,828,978	1,044,612,438
12. Chi phí khác	2,168,666,908	898,338,268
13. Lợi nhuận khác	- 1,652,837,930	146,274,170
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,006,176,291	471,575,745
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,006,176,291	471,575,745
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	185	87

Bảng cân đối tài sản nguồn vốn 2014

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	140,252,782,454	116,758,767,373
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10,555,172,803	6,437,832,352
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	358,093,307	3,293,277,629
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	86,128,220,452	53,971,358,334
IV. Hàng tồn kho	34,950,322,036	46,474,566,605
V. Tài sản ngắn hạn khác	8,260,973,856	6,581,732,453
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	51,109,434,074	56,556,786,549

I. Các khoản phải thu dài hạn		1,143,587,430
II. Tài sản cố định	5,500,083,742	6,400,238,271
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	44,332,406,548	48,804,256,342
V. Tài sản dài hạn khác	133,356,353	208,704,505
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	191,362,216,528	173,315,553,922
NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	103,579,829,524	84,002,537,114
I. Nợ ngắn hạn	98,235,798,389	75,905,744,114
1. Trong đó vay ngân hàng	50,401,436,840	39,993,825,346
II. Nợ dài hạn	5,344,031,135	8,096,792,397
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	87,782,387,004	89,313,016,808
I. Vốn chủ sở hữu	87,782,387,004	89,313,016,808
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53,959,850,000	53,959,850,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		
2. Thặng dư vốn cổ phần	16,090,726,000	16,090,726,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	7,510,945,741	7,510,945,741
8. Quỹ dự phòng tài chính	4,027,072,632	4,027,072,632
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,193,792,631	7,724,422,435
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	191,362,216,528	173,315,553,922

Nhận xét về kết quả kinh doanh:

- Doanh số tăng 26% so với năm trước nhưng không đạt kế hoạch, chủ yếu do thiếu vốn ngắn hạn
- Lợi nhuận thực sự của máy phát điện (chưa loại trừ các khoản rủi ro phát sinh) ở mức hơn 13 tỉ đ, tương đương 7% x doanh thu hay 15% vốn CSH
- Tuy nhiên lợi nhuận còn lại không đáng kể sau khi bù đắp thiệt hại do các rủi ro phát sinh. Điều đó chứng tỏ công ty chưa đầu tư đúng mức cho quản trị rủi ro và tài chính
- Dư nợ ngắn hạn và khoản phải thu tăng cao hơn năm trước nhiều cũng là thể hiện chưa quản lý tài chính đúng mức

3/ Phân phối lợi nhuận và tình hình cổ phiếu

- Phân phối lợi nhuận: Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2015 công ty sẽ tiến hành chi cổ tức bằng 5%.
- Tình hình cổ phiếu DZM:

4/ Quản trị nhân sự:

- Số lượng nhân viên: đã cắt giảm tiếp nhân sự từ 122 người thời điểm đầu năm còn 87 người thời điểm hiện tại. Đặc điểm chung là số lượng nhân sự hiện nay đã ở mức thiếu cả về nhân viên và cán bộ quản lý, thể hiện qua việc thường xuyên tăng ca ngoài giờ và nhiều việc quản lý không giải quyết hết

Trình độ chuyên môn	Đầu năm	Cuối năm
Đại học và trên đại học	33	19
Cao đẳng và trung cấp	46	43
Lao động phổ thông	43	57
Cộng	122	119

- Quỹ tiền lương nhân viên (Dzima)

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014
Quỹ lương	11,839,442,490	11.086.829.657
Thu nhập bình quân	10,331,101	8,200,318

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao	Năm 2013	Năm 2014
Hội đồng quản trị	84,000,000	153.000.000
Ban Kiểm soát	48,000,000	38.000.000
Cộng	132,000,000	191.000.000

Kết luận:

Năm 2014 được kỳ vọng là năm bản lề xoay chuyển từ kinh doanh thua lỗ qua có lãi. Công ty đã có những cải tiến quan trọng trong sản phẩm và quản trị và kết quả là sản xuất kinh doanh đã tạo ra lợi nhuận đáng kể

Tuy nhiên yếu điểm lớn trong quản lý tài chính và rủi ro vẫn chưa khắc phục được nên đã phát sinh nhiều sự cố bất ngờ trong kinh doanh và pháp lý tài chính gây thiệt hại lớn mất nhiều lợi nhuận của công ty.

Có thể suy luận là trong năm 2015 nếu tiếp tục duy trì chiến lược kinh doanh như vừa qua và đồng thời đầu tư thích đáng cho công tác quản trị tài chính và rủi ro thì có thể tạo ra lợi nhuận tốt.

IV. Báo cáo tài chính kiểm toán (tham khảo toàn văn Báo cáo tại: www.dzima.com)

V. Bản giải trình báo cáo kiểm toán

Giải trình ý kiến lưu ý của đơn vị Kiểm toán đối với BCTC năm 2014 của Công ty: “Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh báo cáo tài chính mục V.9.2 "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" vào Công ty con (Công ty TNHH MTV Nhà Máy Điện Sinh Khôi Tonlebet tại Cambodia). Công ty con có các dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục do thường xuyên trễ hạn thanh toán các khoản nợ đến hạn, nhà máy hoạt động không đúng công suất thiết kế và thua lỗ liên tiếp qua các năm. Công ty con chỉ có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai khi có sự hỗ trợ tài chính từ công ty Cổ phần Chế tạo Máy Dzĩ An Việt Nam (công ty mẹ) và sự cơ cấu giảm nợ của các chủ nợ. Vấn đề lưu ý này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty con.

Hội đồng quản trị và ĐHCĐ 2014 của Công ty đã đánh giá việc đầu tư nhà máy điện sinh khối có sai lầm về lựa chọn công nghệ và về chiến lược tài chính dài hạn. Cụ thể là công nghệ chưa hoàn chỉnh dẫn đến nhà máy hoạt động không liên tục không hết công suất. Đồng thời năng lực tài chính và nhân lực của công ty không cho phép đầu tư thêm để khắc phục tình trạng này. Hiện tại nhà máy đã ngưng hoạt động tuy nhiên vẫn phải gánh chịu chi phí khấu hao hàng năm.

VI. Các công ty có liên quan

1/Công ty TNHH MTV Chế Tạo Máy An Tâm.

+ Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng

+ Trụ sở chính: Lô D2, KCN Tam Thắng, Xã Tam Thắng, H.Cư Jut, Đắc Nông

+ Ngành nghề: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện....

2/Công ty TNHH Nhà máy điện sinh khối Tonle Bet

+ Vốn đầu tư: 3.500.000đồng

+ Trụ sở chính: Ấp Toul Vihea, Xã Shiro Pi Sok, Huyện Tboung Khmum, Tỉnh Kompong Cham, Cambodia.

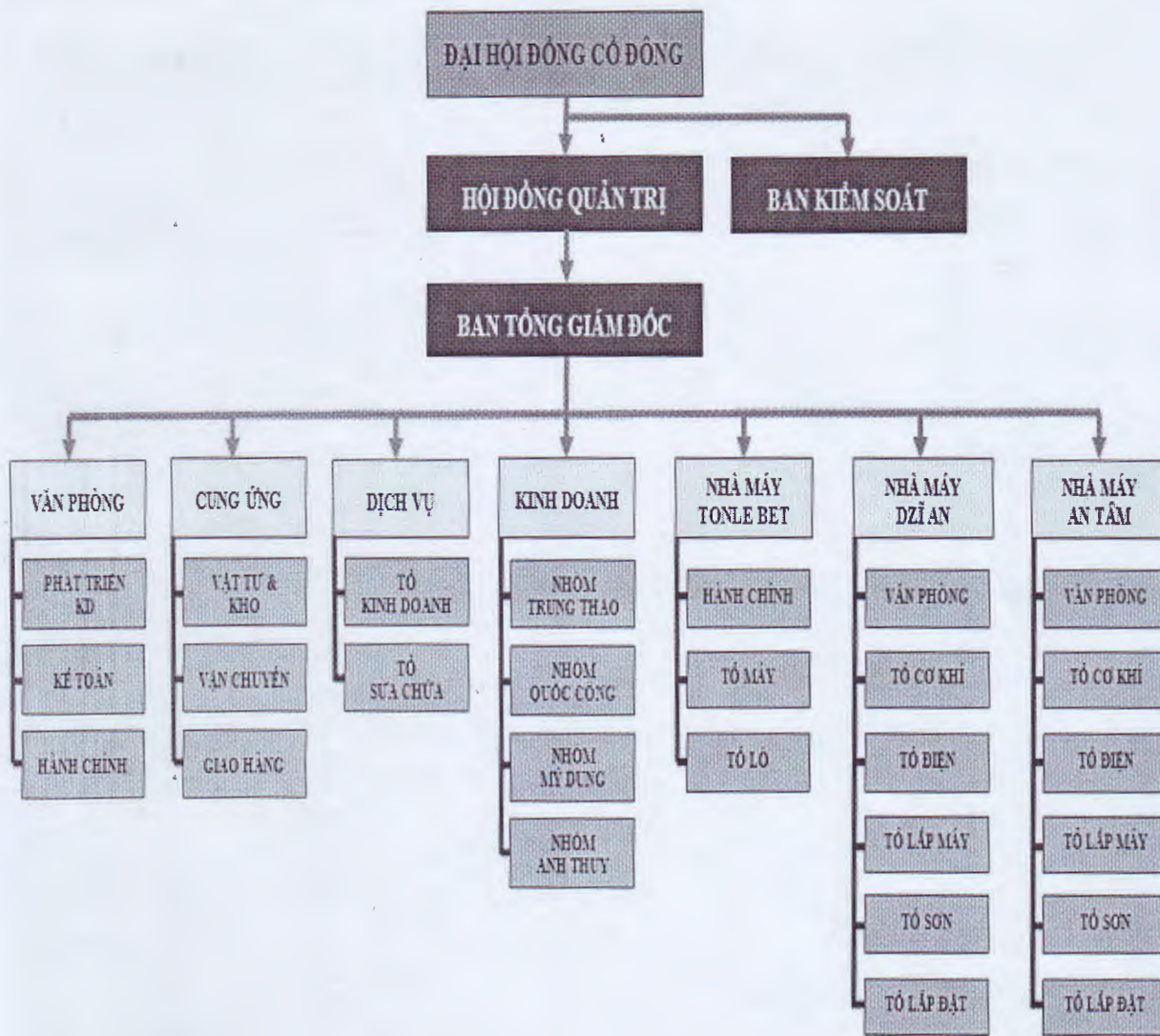
+ Ngành nghề: Nhà máy điện sinh khối chạy bằng trấu hay các loại phế liệu khác với công suất 2,8MW

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

Hình 1: Sơ đồ tổ chức công ty

14
/4
/7
/2
/2
/1



VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty:

Bảng 4: Danh sách TV HĐQT và BKS

STT	Thành viên HĐQT/BKS	Chức vụ	Chức vụ điều hành
1	Ông ĐẶNG ĐÌNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc
2	Ông NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3	Ông NGUYỄN XUÂN THÀNH	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông VÕ ANH THỤY	Thành viên HĐQT	P.Tổng giám đốc
5	Bà PHẠMO VÁ HOANG ANH	Thành viên HĐQT	Không điều hành
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	Thành viên HĐQT	Không điều hành (Bầu bổ sung : 28/02/2014)
7	LÊ TẤN MƯỜI ANH	Thành viên HĐQT	Không điều hành (Bầu bổ sung : 28/02/2014)
8	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Thành viên HĐQT	Không điều hành (Từ nhiệm : 11/01/2014)
9	Ông VŨ NGỌC THÀNH	Trưởng BKS	Không điều hành
10	Ông NGUYỄN ĐỨC VINH	Thành viên BKS	Không điều hành
11	Bà KHÔNG THỊ KIM NGA	Thành viên BKS	Không điều hành

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên: HĐQT đã duy trì việc họp mặt và trao đổi thường xuyên góp phần định hướng cho công ty vượt qua các khó khăn từ bên trong và bên ngoài.
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có.
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không có
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính và tình hình nhân sự nhằm đảm bảo các thông tin được cung cấp minh bạch, chính xác.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Tổ chức thường xuyên các cuộc họp, các báo cáo cho HĐQT để cập nhật thông tin nhằm đưa ra những định hướng, cách thức giải quyết sự việc kịp thời và đúng đắn.
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.

Bảng 5: Thù lao năm 2014 của HĐQT và BKS

DVT: Triệu đồng

STT	HĐQT	Chức vụ	Lương hàng năm
1	Ông ĐẶNG ĐÌNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT	24
2	Ông NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Thành viên HĐQT	22
3	Ông NGUYỄN XUÂN THÀNH	Thành viên HĐQT	22
4	Ông VÕ ANH THỤY	Thành viên HĐQT	22
5	Ông LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Thành viên HĐQT	1
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	Thành viên HĐQT	20
7	LÊ TẤN MƯỜI ANH	Thành viên HĐQT	20
8	Bà PHẠM VÁ HOANG ANH	Thành viên HĐQT	22
	BKS		
9	Ông VŨ NGỌC THÀNH	Trưởng BKS	14
10	Ông NGUYỄN ĐỨC VINH	Thành viên BKS	12
11	Bà KHỔNG THỊ KIM ANH	Thành viên BKS	12

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 11 thành viên.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước):

Bảng 6: Số lượng cổ phiếu nắm giữ của HĐQT

STT	Thành viên	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ
1	Ông ĐẶNG ĐÌNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1.087.123	1.087.123
2	Ông NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Thành viên HĐQT	439.301	439.301
3	Ông NGUYỄN XUÂN THÀNH	Thành viên HĐQT	109.385	109.385
4	Ông VÕ ANH THỤY	Thành viên HĐQT	103.426	103.426
5	Ông LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Thành viên HĐQT	118	118
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	Thành viên HĐQT	224.400	224.400

7	LÊ TẤN MƯỜI ANH	Thành viên HĐQT		
8	Bà PHAMO VÁ HOANG ANH	Thành viên HĐQT	303.100	303.100

2. Cơ cấu cổ đông của Công ty (theo Danh sách cổ đông ngày 14/04/2015)

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp:	4.895.007	90,71	500.978	9,28	5.395.985	100
1. Cổ đông Nhà nước:	0	0	0	0	0	0
2. Cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	2.268.253	42,04			2.268.253	42,04
3. Cổ đông trong công ty:						
Cổ phiếu quỹ	0	0			0	0
Cán bộ công nhân viên	49.076	0,91			49.076	0,91
4. Cổ đông ngoài công ty:						
Cá nhân	2.186.247	40,51	497.978	9,22	2.684.225	49,73
Tổ chức	391.431	7,25	3.000	0,06	394.431	7,31

Chủ tịch HĐQT



ĐẶNG ĐÌNH HÙNG